Mẫu số: D25-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TP CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 730/TB-THADS-KV2

Cần Thơ, ngày 06 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc bán đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định dân sự sơ thẩm số: 39/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 157/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định kê biên quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất để thi hành án số: 12/QĐCCTHADS ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Thẩm Định Giá Năm Thành Viên, chi nhánh Miền Tây;

Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: Số A16, đường D1, khu đôi thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

b) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất. Cụ thể:

- Giá trị quyền thuê đất còn lại của quyền sử dụng đất, công trình xây dựng gắn liền với đất và máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ đã qua sử dụng, tọa lạc tại: Khu vực 4, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ), cụ thể gồm:

*** Quyền sử dụng đất**: Diện tích **3.603,3 m²** đất chợ; Thửa đất số: 332; Tờ bản đồ số: 9; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/05/2037; Nguồn gốc sử dụng: ***Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần***. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 404652, số vào sổ cấp GCN: CT00922 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/08/2019 cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Dương Chiến Hưng.

* Công trình xây dựng gắn liền với đất, gồm:

A. Hạng mục nhà lồng chợ:

I. Nhà lồng chợ, diện tích 2.269,8 m2.
II. 02 dãy ki ốt trong nhà lồng chợ.
II.1 Dãy 01 (Ki ốt + sạp phía tay bên phải từ cổng chính nhà lồng chợ nhìn vào):
1. Ki ốt cửa hàng ăn uống Thần Tiền, diện tích 37,8 m^2.
2. Ki ốt cửa hàng quần áo Thủy Cường, diện tích 75,6 m^2.
3. Ki ốt cửa hàng Lộc Phát, diện tích 18,9 m^2.
4. Ki ốt cửa hàng dụng cụ bếp Chú Trà, diện tích 18,9 m^2.
5. Ki ốt cửa hàng Thanh Thảo 2, diện tích 28,56 m^2.
6. Ki ốt cửa hàng điện thoại di động Mỹ Lộc, diện tích 12,60 m^2.
7. Ki ốt cửa hàng guốc gỗ Mi Mi, diện tích 10,08 m^2.
8. Ki ốt cửa hàng quần áo Minh Hương, diện tích 15,33 m^2.
9. Ki ốt + sạp bán thịt số 01, diện tích 15,16 m^2.
10. Ki ốt + sạp bán thịt số 02, diện tích 18,90 m^2.
11. Ki ốt + sạp bán thịt số 03, diện tích 18,90 m^2.
12. Ki ốt + sạp bán thịt số 04, diện tích 25,20 m^2.
13. Ki ốt + sạp bán thịt số 05, diện tích 24,60 m^2.
14. Ki ốt + sạp bán thịt số 06, diện tích 25,80 m^2.
15. Ki ốt cửa hàng tạp hóa Út Lượm, diện tích 18,90 m^2.
16. Ki ốt cửa hàng thức ăn chay, diện tích 13,44 m^2.
17. Ki ốt cửa hàng tạp hóa Hồng Ân, diện tích 11,97 m^2.
18. Ki ốt cửa hàng thời trang, diện tích 12,18 m^2.
19. Ki ốt cửa hàng bán gạo Kim Ngân, diện tích 12,52 m^2.
20. Ki ốt cửa hàng tạp hóa Mỹ Phụng, diện tích 25,20 m^2.
21. Ki ốt cửa hàng nhà sách Mỹ Phụng, diện tích 12,60 m^2.
22. Ki ốt cửa hàng tạp hóa Mỹ Thu, diện tích 25,20 m^2.
23. Ki ốt cửa hàng thời trang số 01, diện tích 25,20 m^2.
24. Ki ốt cửa hàng thời trang số 02, diện tích 12,18 m^2.
25. Ki ốt + sạp cửa hàng thời trang, diện tích 13,02 m^2.
26. Ki ốt + sạp cửa hàng bán gạo bà Tám, diện tích 25,20 m^2.
27. Ki ốt + sạp cửa hàng thời trang Vpink, diện tích 25,20 m^2.
28. Ki ốt + sạp cửa hàng thời trang, diện tích 63 m^2.
II.2 Dãy 02 (Ki ốt + sạp phía tay bên trái từ cổng chính nhà lồng chợ nhìn vào):
1. Ki ốt cửa hàng nhà thuốc Mai An, diện tích 24 m^2.
2. Ki ốt cửa hàng Line Sang, diện tích 36 m^2.
3. Ki ốt cửa hàng bán tạp hóa, diện tích 23,60 m^2.
4. Ki ốt cửa hàng bán bánh, diện tích 12,40 m^2.
5. Ki ốt cửa hàng Lộc Phát, diện tích 11,80 m^2.
6. Ki ốt cửa hàng chưa cho thuê, diện tích 24 m^2.
7. Ki ốt + sạp cửa hàng bán tạp hóa, diện tích 12 m^2.
8. Ki ốt + sạp bán trứng, diện tích 9,40 m^2.

9. Ki ốt cửa hàng bán trang sức, diện tích 10,11 m^2.
10. Ki ốt + sạp bán rau, diện tích 25,80 m^2.
11. Ki ốt + sạp cửa hàng bán tạp hóa, diện tích 18,92 m^2.
12. Ki ốt + sạp bán trứng, diện tích 6,88 m^2.
13. Ki ốt + sạp bán trứng, diện tích 12,90 m^2.
14. Ki ốt + sạp bán thịt số 01, diện tích 26,02 m^2.
15. Ki ốt + sạp bán thịt số 02, diện tích 21,50 m^2.
16. Ki ốt + sạp bán thịt số 03, diện tích 19,35 m^2.
17. Ki ốt + sạp bán gà, vịt, diện tích 13,33 m^2.
18. Ki ốt + sạp bán thịt, diện tích 12,90 m^2.
19. Ki ốt + sạp bán rau, diện tích 36,55 m^2.
20. Ki ốt + sạp bán hải sản số 01, diện tích 20,15 m^2.
21. Ki ốt + sạp bán hải sản số 02, diện tích 19,50 m^2.
22. Ki ốt + sạp bán hải sản số 03, diện tích 19,50 m^2.
23. Ki ốt + sạp bán hải sản số 04, diện tích 19,50 m^2.
24. Ki ốt + sạp bán hải sản Thanh Sang số 01, diện tích 19,50 m^2.
25. Ki ốt + sạp bán hải sản Thanh Sang số 02, diện tích 19,50 m^2.
26. Ki ốt + sạp bán hải sản số 05, diện tích 19,50 m^2.
27. Ki ốt + sạp bán hải sản số 06, diện tích 19,50 m^2.
28. Ki ốt + sạp bán hải sản số 07, diện tích 19,50 m^2.
29. Ki ốt + sạp bán hải sản số 08, diện tích 19,50 m^2.
30. Ki ốt + sạp bán hải sản số 09, diện tích 19,50 m^2.
31. Ki ốt + sạp bán gà, vịt, diện tích 19,50 m^2.
32. Ki ốt + sạp sửa quần áo, diện tích 19,50 m^2.
33. Ki ốt + sạp bán hải sản số 10, diện tích 19,50 m^2.
34. Ki ốt + sạp cửa hàng bán tạp hóa, diện tích 19,50 m^2.
35. Ki ốt + sạp cửa hàng bán tạp hóa, diện tích 19,50 m^2.
36. Ki ốt + sạp bán hải sản số 11, diện tích 19,50 m^2.
37. Ki ốt + sạp bán hải sản số 12, diện tích 19,50 m^2.
38. Ki ốt + sạp bán hải sản số 13, diện tích 18,20 m^2.
39. Ki ốt + sạp bán hải sản số 14, diện tích 20,80 m^2.
40. Sạp bán rau, diện tích 39 m^2.

III. Đường bê tông giữa chợ:

1. Đường bê tông giữa chợ, diện tích 829,72 m^2.

IV. Mái che trước:

1. Mái che, diện tích 165,18 m^2.
2. Ki ốt cửa hàng bán đồ ăn sáng, diện tích 34,10 m^2.
3. Ki ốt cửa hàng trái cây Phương Anh, diện tích 62,10 m^2.
4. Đường bê tông, diện tích 81,40 m^2.

V. Mái che sau:

1. Mái che sau, diện tích 292,96 m^2.

VI. Lò đốt rác:

1. Lò đốt rác, diện tích 1,78 m^2.

VII. Khu vực để máy phòng cháy chữa cháy:

1. Khu vực để máy phòng cháy chữa cháy, diện tích 1,78 m^2.

B. Dãy 20 ki ốt kết hợp ở.

I. Dãy 01 có 11 ki ốt:

1. Ki ốt bãi giữ xe số 01, diện tích 25,80 m^2.
2. Ki ốt bãi giữ xe số 02, diện tích 32,40 m^2.
3. Ki ốt bãi giữ xe số 03, diện tích 32,40 m^2.
4. Ki ốt bãi giữ xe số 04, diện tích 25,80 m^2.
5. Ki ốt số 05, diện tích 32,40 m^2.
6. Ki ốt số 06, diện tích 32,40 m^2.
7. Ki ốt số 07, diện tích 32,40 m^2.
8. Ki ốt số 08, diện tích 32,40 m^2.
9. Ki ốt số 09, diện tích 32,40 m^2.
10. Ki ốt số 10, diện tích 32,40 m^2.
11. Ki ốt số 11, diện tích 30,50 m^2.

II. Dãy 02 có 09 căn ki ốt:

1. Ki ốt số 01, diện tích 32,40 m^2.
2. Ki ốt số 02, diện tích 32,40 m^2.
3. Ki ốt số 03, diện tích 32,40 m^2.
4. Ki ốt số 04, diện tích 32,40 m^2.
5. Ki ốt số 05, diện tích 32,40 m^2.
6. Ki ốt số 06, diện tích 32,40 m^2.
7. Ki ốt số 07, diện tích 32,40 m^2.
8. Ki ốt số 08, diện tích 38,70 m^2.
9. Ki ốt số 09, diện tích 38,70 m^2.

III. Đường đi của dãy 20 ki ốt:

1. Đường đi của dãy 20 ki ốt, diện tích 166,03 m^2.

C. Đường dân sinh:

1. Đường dân sinh, diện tích 258,08 m^2.

D. Hệ thống bể xử lý nước thải và phòng cháy chữa cháy:

1. Bể xử lý nước thải, diện tích 50,60 m^2.
2. Bể phòng cháy chữa cháy, diện tích 37,84 m^2.

E. Hệ thống thoát nước:

1. Hệ thống thoát nước, diện tích 449,19 m^2.

* Máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ đã qua sử dụng, gồm:

A. Danh sách thiết bị hệ thống phòng cháy chữa cháy.

1. Bình chữa cháy:

1.1. Bình chữa cháy bột MFZ4 – 4 kg, số lượng 20 bình.

1.2. Bình chữa cháy khí MT5 – 5 kg, số lượng 10 bình.
2. Hệ thống cảnh báo cháy:
2.1. Trung tâm báo cháy 10 kênh, số lượng 01 bộ.
2.2. Đầu dò khói quang học, số lượng 159 cái.
2.3. Công tắc khẩn, số lượng 06 cái.
2.4. Còi báo cháy, số lượng 06 bộ.
2.5. Bộ nguồn dự phòng, số lượng 01 bộ.
2.6. Đèn báo phòng, số lượng 21 cái.
2.7. Đèn Exit, số lượng 05 cái.
2.8. Đèn chiếu sáng khẩn cấp, số lượng 12 cái.
2.9. Đèn trở cuối tuyến, số lượng 06 cái.
2.10. Dây Duplex, số lượng 200m.
2.11. Co hàn Ø114mm, số lượng 08 cái.
2.12. Co hàn Ø90mm, số lượng 08 cái.
2.13. Co hàn Ø60mm, số lượng 20 cái.
2.14. Co ren Ø27mm, số lượng 90 cái.
2.15. Tê hàn Ø114mm, số lượng 04 cái.
2.16. Tê hàn Ø114/60mm, số lượng 08 cái.
2.17. Tê hàn Ø90mm, số lượng 02 cái.
2.18. Tê hàn Ø90/60mm, số lượng 03 cái.
2.19. Tê ren Ø34mm, số lượng 135 cái.
2.20. Chung giảm ren Ø34/21mm, số lượng 135 cái.
2.21. Chung giảm ren Ø27/21mm, số lượng 90 cái.
2.22. Măng xong ren Ø21mm, số lượng 16 cái.
2.23. Họng chờ tiếp nước chữa cháy 2 ngã, số lượng 01 cái.
2.24. Van gốc Ø60mm, số lượng 02 cái.
2.25. Hai đầu răng Ø60mm, số lượng 06 cái.
2.26. Bát treo ống Ø114mm, số lượng 75 cái.
2.27. Bát treo ống Ø90mm, số lượng 05 cái.
2.28. Bát treo ống Ø60mm, số lượng 31 cái.
2.29. Cùm Ø114mm, số lượng 75 cái.
2.30. Cùm Ø90mm, số lượng 05 cái.
2.31. Cùm Ø60mm, số lượng 08 cái.
2.32. Giá đỡ ống cấp nước chữa cháy trục chính, số lượng 50 cái.
2.33. Giá đỡ ống cấp nước chữa cháy trục xương cá, số lượng 165 cái.
2.34. Ty treo 10ly, số lượng 250M.
2.35. Đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, số lượng 288 cái.
2.36. Đầu phun chữa cháy màng ngăn Drencher, số lượng 16 cái.
2.37. Van khóa cổng mặt bích Ø114mm, số lượng 02 cái.
2.38. Van khóa 1 chiều Ø114mm – mặt bích, số lượng 02 cái.

2.39. Van khóa ren 1 chiều Ø40mm, số lượng 01 cái.
2.40. Van bướm tay gạt Ø114mm, số lượng 02 cái.
2.41. Van bướm tay gạt Ø60mm, số lượng 02 cái.
2.42. Y lọc Ø114mm – mặt bích, số lượng 02 cái.
2.43. Y lọc Ø40mm – mặt bích, số lượng 01 cái.
2.44. Lúp pê mặt bích Ø114, số lượng 02 cái.
2.45. Lúp pê mặt bích Ø40, số lượng 01 cái.
2.46. Chống rung mặt bích Ø114mm, số lượng 04 cái.
2.47. Chống rung mặt bích 40mm, số lượng 02 cái.
2.48. Bình mồi nước 0,7m3 PVC, số lượng 01 cái.
2.49. Dây điện 3x36 + 1x22mm2 (trạm bơm), số lượng 12M.
2.50. Dây điện 4x4mm2 (trạm bơm), số lượng 12M.
2.51. Bình Thép Ø114mm, số lượng 10 cặp.
2.52. Bình Thép Ø60mm, số lượng 2 cặp.
2.53. Bù lông Ø16 x 6 phân, số lượng 24 con.
2.54. Len ống quấn, số lượng 10 bọc.
2.55. Sơn đỏ (bạch tuyết), số lượng 30 kg.
2.56. Que hàn, số lượng 30 kg
2.57. Tiêu lệnh nội quy, số lượng 10 bộ.
3. Hệ thống phun nước chữa cháy:
3.1. Máy bơm chữa cháy động cơ điện 50HP, số lượng 01 máy.
3.2. Máy bơm chữa cháy động cơ diesel 50HP, số lượng 01 máy.
3.3. Máy bơm duy trì áp động cơ điện 3HP, số lượng 01 máy.
3.4. Tủ điện 3 máy bơm, số lượng 01 cái.
3.5. Đồng hồ áp lực, số lượng 01 cái.
3.6. Công tắt áp lực, số lượng 03 cái.
3.7. Họng chờ tiếp nước chữa cháy 2 ngã, số lượng 01 cái.
3.8. Trụ chữa cháy ngoài nhà 2xD65mm, số lượng 01 cái.
3.9. Hệ thống ống dẫn nước:
3.9.1. Ống thép STK Ø114-2.9mm, số lượng 187M.
3.9.2. Ống thép STK Ø90-2.9mm, số lượng 157M.
3.9.3. Ống thép STK Ø60-2.6mm, số lượng 128M.
3.9.4. Ống thép STK Ø34-2.3mm, số lượng 375M.
3.9.5. Ống thép STK Ø27-2.3mm, số lượng 245M.
3.10. Hộp đựng thiết bị chữa cháy ngoài nhà (700x500x250), số lượng 02 cái.
3.11. Hộp đựng thiết bị chữa cháy trong nhà (600x400x220), số lượng 08 cái.
3.12. Cuộn vòi chữa cháy D76mm x 20m, số lượng 02 cuộn.
3.13. Cuộn vòi chữa cháy D60mm x 20m, số lượng 08 cuộn.
3.14. Lăng phun chữa cháy Ø16mm, số lượng 04 cái.
3.15. Lăng phun chữa cháy Ø13mm, số lượng 08 cái.

3.16. Đầu phun chữa cháy, số lượng 210 cái.
B. Danh sách thiết bị hệ thống camera.
1. Đầu ghi hình 32 kênh Vanted, số lượng 01 cái.
2. Bộ lưu điện, số lượng 01 bộ.
3. Nguồn camera, số lượng 02 cái.
4. Camera Vanted, số lượng 17 cái.
5. Camera Hikvision, số lượng 07 cái.
6. Tivi LG, số lượng 01 cái.
C. Danh sách thiết bị phục vụ chợ.
1. Bàn làm việc văn phòng, số lượng 06 cái.
2. Bàn sắt, số lượng 02 cái.
3. Ghế dựa inox mặt vải, số lượng 09 cái.
4. Ghế dựa gỗ, số lượng 01 cái.
5. Kệ sắt 3 tầng, số lượng 01 cái.
6. Kệ sắt 4 tầng, số lượng 01 cái.
7. Két sắt, số lượng 01 cái.
8. Tủ hồ sơ sắt, số lượng 02 cái.
9. Tủ hồ sơ sắt, số lượng 01 cái.
10. Tủ hồ sơ gỗ mặt kính, số lượng 01 cái.
11. Tủ lạnh, số lượng 01 cái.
12. Máy in trắng đen, số lượng 01 cái.
13. Máy in màu, số lượng 01 cái.
14. Máy lạnh, số lượng 01 cái.
15. Bộ máy vi tính 1, số lượng 01 cái.
16. Bộ máy vi tính 2, số lượng 01 cái.
17. Máy trộn hồ, số lượng 01 cái.
18. Máy đầm rung, số lượng 01 cái.
19. Ống nhựa PVC Ø90, số lượng 692M.
20. Co Ø90, số lượng 223 cái.
D. Danh sách thiết bị hệ thống điện – điện chiếu sáng – nước sinh hoạt.
1. Tủ điện phân phối 3 pha, số lượng 01 cái.
2. Đồng hồ 3 pha, số lượng 01 cái.
3. Dây điện các loại:
3.1. Dây 10.0, số lượng 410M.
3.2. Dây 8.0, số lượng 600M.
3.3. Dây 6.0, số lượng 870M.
4. Dây ruột gà luồn dây điện, số lượng 940M.
5. Bát sắt, số lượng 10 bộ.
6. Sứ, số lượng 20 cái.
7. Ki ốt kết hợp ở:

7.1. Đồng hồ điện, số lượng 39 cái.
7.2. CB, số lượng 39 cái.
7.3. Đồng hồ nước, số lượng 39 cái.
7.4. Đèn led 1,2m, số lượng 78 cái.
7.5. Đèn led 0.6m, số lượng 39 cái.
7.6. Công tắc, số lượng 63 cái.
7.7. Ổ cấm, số lượng 117 cái.
7.8. Dây điện 6.0, số lượng 312M.
7.9. Dây điện 2.5, số lượng 663M.
7.10. Dây điện 1.5, số lượng 819M.
7.11. Nẹp điện 30mm, số lượng 468M.
7.12. Ống nhựa PVC Ø21, số lượng 332M.
7.13. Co Ø21, số lượng 273 cái.
7.14. Chậu rửa đơn inox (42x37cm), số lượng 39 cái.
7.15. Van khóa Ø21, số lượng 39 cái.
7.16. Vòi cấp nước, số lượng 78 cái.
7.17. Bồn cầu, số lượng 39 cái.
7.18. Ống cấp nước mềm, số lượng 117 cái.
8. Ki ốt:
8.1. Đồng hồ điện, số lượng 70 cái.
8.2. CB, số lượng 70 cái.
8.3. Đèn led 0.6m, số lượng 103 cái.
8.4. Đèn Bulb 40W, số lượng 113 cái.
8.5. Công tắc, số lượng 216 cái.
8.6. Ổ cấm, số lượng 216 cái.
8.7. Dây điện 2.5, số lượng 420M.
8.8. Dây điện 1.5, số lượng 280M.
8.9. Nẹp điện 25mm, số lượng 114M.
8.10. Ống nhựa PVC Ø21, số lượng 105M.
8.11. Co Ø21, số lượng 210 cái.
8.12. Van khóa Ø21, số lượng 70 cái.
E. Danh sách thiết bị hệ thống chống sét:
1. Kim thu sét tia tiên đạo bán kính bảo vệ 131m, số lượng 01 cái.
2. Đế và trụ gắn kim thu sét STK D42 – L = 5m, số lượng 01 cái.
3. Cáp giằng trụ kim thu sét fi6, số lượng 30M.
4. Cáp đồng trần 50mm2, số lượng 80M.
5. Ống nhựa PVC D25mm bảo vệ cáp, số lượng 50M.
6. Khớp nối kim, số lượng 01 cái.
7. Hộp kiểm tra điện trở 200 x 200 x 65mm, số lượng 02 hộp.
8. Đai siết cáp + tăng đưa, số lượng 01 bộ.

9. Cọc tiếp địa D14, L=2,4m, số lượng 10 cọc.

c) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ ngày 08/04/2026 đến hết ngày 10/04/2026 tại nơi tọa lạc tài sản.

d) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày thông báo đến 17 giờ ngày 14/04/2026 tại Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam - Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: Số A16, đường D1, khu đôi thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

đ) Giá khởi điểm **16.287.926.353** VNĐ *(*Mười sáu tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng).

e) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước: Tiền mua hồ sơ đấu giá là 1.000.000 đồng/hồ sơ; tiền đặt trước là 20% giá khởi điểm (nộp trong thời gian từ ngày 06/03/2026 đến hết ngày 14/04/2026); bước giá: Tối thiểu 160.000.000 đồng.

g) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày 06/03/2026 đến hết ngày 14/04/2026 tại Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam- Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: Số A16, đường D1, khu đôi thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ. Khách hàng đăng ký đấu giá nộp hồ sơ tại công ty, người tham gia đấu giá phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định, trừ trường hợp quy định tại tại khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá.

h) Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: 09 giờ 00 phút ngày 17/04/2026 tại Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam- Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: A16, đường D1, khu đôi thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

i) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp hồ sơ tại Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam- Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ: A16, đường D1, khu đôi thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ, điện thoại: 02923.881.791 – 0918.584898.

Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Thới An Đông;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang TTĐT THADS TP Cần Thơ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Phạm Văn Te